

Bản án số: 53/2025/DS-PT
Ngày: 20/01/2025
*Về việc tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hồng

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Phan Thanh Tòng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Nguyễn Yến Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 20/01/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 484/2024/TLPT-DS ngày 07/11/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” do Bản án dân sự sơ thẩm số 213/2024/DS-ST ngày 02/10/2024 của Tòa án nhân dân Huyện T, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4785/2024/QĐXXPT-DS ngày 28/11/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5246/2024/QĐ-PT ngày 27/12/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1996

Nơi cư trú: số 109/2, ấp T2, xã T3, Huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của chị T1: Ông Trần Nhật Long H, sinh năm 1978 (có mặt)

Nơi cư trú: số 137C, Hùng Vương, phường 7, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn:

1. Chị Ngô Thị Kiều T4, sinh năm 1994

Nơi cư trú: số 368/2, ấp T5, xã T3, Huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của chị Kiều T4: Ông Nguyễn Văn Phong, sinh năm 1976 (có mặt)

Nơi cư trú: khu phố 5, thị trấn M, Huyện M Nam, tỉnh Bến Tre.

2. Bà Đào Thị Kiều N, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số 49/2, ấp T5, xã T3, Huyện T, tỉnh Bến Tre.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Huỳnh Văn K, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số 368/2, ấp T5, xã T3, Huyện T, tỉnh Bến Tre.

- Người kháng cáo: Chị Ngô Thị Kiều T4, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Theo đơn K kiện ngày 13/3/2023, trong quá trình tố tụng và tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T1 là ông Trần Nhật Long H trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết, là bạn của nhau nên chị Nguyễn Thanh T1 cho chị Ngô Thị Kiều T4 vay tiền nhiều lần nhằm mục đích cho vay đáo hạn ngân hàng và xoay sở cuộc sống gia đình. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng cho mỗi lần vay. Cụ thể các lần vay như sau:

- Lần 1: tính đến ngày 10/12/2022 chị T4 vay số tiền là 09 tỷ đồng (Chín tỷ đồng). Hai bên có tổng kết và viết thành Giấy mượn tiền ngày 10/12/2022.

- Lần 2: ngày 13/12/2022 chị T4 tiếp tục vay của chị T1 số tiền là 3,5 tỷ đồng (Ba tỷ năm trăm triệu đồng). Thời hạn vay là 01 tháng. Lãi suất hai bên tự thỏa thuận là 3%/tháng. Hai bên có ký hợp đồng công chứng vay tiền ngày 13/12/2022 tại Văn phòng công chứng T. Chị T1 đã đưa đủ tiền cho chị T4.

Đối với số tiền vay 09 tỷ ngày 10/12/2022, chị T1 cho chị T4 vay thông qua đưa tiền mặt và cHên khoản. Cụ thể:

- Từ ngày 16/8/2022 đến ngày 06/12/2022: chị T1 cHên khoản cho chị T4 vay tổng số tiền: 7.960.000.000 đồng.

- Ngày 10/12/2022, hai bên chốt công nợ và chị T4 có vay tổng cộng là 09 tỷ đồng nên hai bên viết Giấy mượn tiền ngày 10/12/2022 với số tiền 09 tỷ đồng. Trong đó tiền cHên khoản là 7.960.000.000 đồng và tiền mặt là 1.040.000.000 đồng.

Số tiền 09 tỷ đồng này do có mẹ chị T4 là bà Đào Thị Kiều N ký bảo lãnh trả nợ cho chị T4 nên hai bên chỉ viết tay mà không ra công chứng. Chứng minh cho việc vay tiền mặt: ngày 18/8/2022 chị T1 chỉ cHên khoản cho chị T4 vay 40.000.000 đồng. Từ ngày 22/8-26/8/2022 chị T4 cHên khoản trả 43.521.280 đồng là nhiều hơn số tiền chị T1 cHên khoản, điều này có nghĩa là chị T1 còn cho chị T4 vay bằng tiền mặt.

Đối với Hợp đồng vay tiền 3,5 tỷ đồng có công chứng ngày 13/12/2022, hai bên ký hợp đồng công chứng vay 3,5 tỷ đồng và chị T1 đã giao đủ 3,5 tỷ đồng bằng tiền mặt cho chị T4. Do có nhận tiền 3,5 tỷ đồng nên một thời gian dài trước khi chị T1 K kiện, chị T4 vẫn im lặng, không tố cáo hay thưa kiện về Hợp đồng vay 3,5 tỷ đồng này.

Cộng hai khoản vay 09 tỷ đồng và 3,5 tỷ = 12.500.000.000 đồng.

Ngày 17/12/2022 chị T1 cHên khoản cho chị T4 vay tiếp 100.000.000 đồng. Ngày 27/02/2023 chị T1 cHên khoản cho chị T4 vay tiếp 50.000.000 đồng. Do đó, tổng số tiền cHên khoản là: 7.960.000.000 (năm trong khoản vay 09 tỷ) + 100.000.000 (17/12/2022) + 50.000.000 (27/02/2023) = 8.110.000.000 đồng.

Tổng số tiền mặt đã cho mượn là: 1.040.000.000 (là số tiền mặt trong khoản vay 09 tỷ) + 3.500.000.000 (ngày 13/12/2022) = 4.540.000.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng tiền cHên khoản và tiền mặt là: 8.110.000.000 + 4.540.000.000 = 12.650.000.000 đồng.

Chị T4 đã cHên khoản trả nợ chị T1: 3.865.771.280 đồng nên chị T4 còn nợ chị T1 số tiền: 12.650.000.000 - 3.865.771.280 = 8.784.288.720 đồng. Tính lãi 1,66%/tháng từ ngày 27/02/2023 đến ngày 27/9/2024 là 19 tháng = 2.770.545.738 đồng.

Tổng số tiền chị T1 yêu cầu chị T4, anh K phải trả là: gốc 8.784.288.720 đồng + lãi 2.770.545.738 đồng = 11.554.774.458 đồng.

Vì vậy, nay chị T1 yêu cầu chị Ngô Thị Kiều T4 và anh Huỳnh Văn K, bà Đào Thị Kiều N có nghĩa vụ liên đới trả cho chị T1 số tiền 11.554.774.458 đồng.

Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn chị Ngô Thị Kiều T4 là ông Nguyễn Văn Phong trình bày:

Vào ngày 22/8/2022 chị Ngô Thị Kiều T4 có mượn của chị Nguyễn Thanh T1 với số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng. Vào ngày 13/9/2022 chị Kiều T4 có mượn tiếp chị T1 số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng. Tổng cộng chị Kiều T4 mượn chị Nguyễn Thanh T1 hai lần với số tiền là 350.000.000 (Ba trăm năm mươi triệu) đồng. Chị Kiều T4 mượn số tiền nêu trên là để đáo hạn ngân hàng cho người quen, vì quá tin tưởng nên chị Kiều T4 đưa số tiền cho người đó đáo hạn, tuy nhiên đến khi đáo hạn xong người đó không hoàn trả số tiền đó lại cho chị Kiều T4, chị Kiều T4 không viết giấy cho mượn tiền nên chị Kiều T4 ôm số tiền trên là 350.000.000 (Ba trăm năm mươi triệu) đồng và vẫn tiếp tục đóng lãi cho chị T1.

Theo lãi suất chị T1 đưa ra là hệ 7.000đ/1triệu/ngày, cách 10 ngày đóng lãi một lần. Trong thời gian từ ngày 22/8/2022 đến ngày 06/12/2022 hai bên giao dịch bằng hình thức cHên khoản qua ngân hàng, chị Kiều T4 nhận tiền từ chị T1 là tiền cHên khoản không có nhận tiền mặt, đến khi chị Kiều T4 đóng lại thì cHên khoản hoặc xuống nhà chồng chị T1 gửi lãi. Đến ngày 10/12/2022, chị T1 kêu chị Kiều T4 lấy mẫu giấy viết tay chỉ ghi họ và tên; ngày tháng năm sinh; số căn cước công dân, địa chỉ, ngày mượn tiền, sau cùng là ký tên, ghi họ tên, còn phần số tiền và các nội dung khác chị T1 nói đề về nhà sẽ viết vô sau, lúc này chị Kiều T4 cũng nghĩ chị T1 sẽ viết vô số tiền là 350.000.000 (Ba trăm năm mươi triệu) đồng, nhưng chị T1 không viết 350.000.000 (Ba trăm năm mươi triệu) đồng, mà chị T1 vẫn để trống. Đến ngày 12/12/2022 chị T1 gọi chị Kiều T4 xuống quán cà phê Bảy Nhạn (thuộc ấp T2, xã T3, Hện T, tỉnh Bến Tre) để ký lại giấy vay với số tiền là 350.000.000 (Ba trăm năm mươi triệu) đồng. Lúc này số tiền để trống, chị T1 sẽ viết số tiền vào sau, vì tin tưởng chị T1 là giáo viên và cũng quen biết nên chị Kiều T4 đồng ý và không đọc hết nội dung trong giấy và chị Kiều T4 đã ký tên. 03 (Ba) ngày sau chị T1 gửi giấy lại cho chị Kiều T4 là tờ giấy đã công chứng, thuộc văn phòng Công chứng Hện T xác nhận với số tiền 3.500.000.000 (Ba tỷ năm trăm triệu) đồng, số tiền trên là chị T1 viết sau khi chị Kiều T4 đã ký. Sau đó chị T1 tính lãi với chị Kiều T4 từ tờ công chứng là 3.500.000.000 (Ba tỷ năm trăm triệu) đồng với lãi suất 7.000đ/1triệu/ngày, trong khi đó chị Kiều T4 không có khả năng trả số tiền mà chị T1 đã đưa ra, sau đó chị T1 tính lãi cộng dồn với số tiền gốc mà chị T1 đã công chứng, đến khi đổ bể ra thì chị T1 qua nhà chị Kiều T4 đòi tiền và đưa giấy với số tiền là 9.000.000.000 (Chín tỷ) đồng, cho gia đình chị Kiều T4 xem nhưng trước đó vào (ngày 10/12/2022 chị T1 kêu chị Kiều T4 lấy giấy viết tay chỉ ghi họ và tên; ngày tháng năm sinh, số căn cước công dân, địa chỉ và

ngày mượn tiền sau cùng là ký tên, ghi họ tên, còn phần số tiền và nội dung khác chị T1 nói để về nhà sẽ viết vô sau), đến hôm nay chị T1 gửi đơn kiện chị Kiều T4 theo nội dung (đơn K kiện kèm theo) tổng cộng là 12.500.000.000 (Mười hai tỷ năm trăm triệu) đồng để chứng minh là chị Kiều T4 có mượn tiền của chị T1, chị T1 đã có tình gài chị Kiều T4 để ký vào giấy mượn tiền như đã nêu trên.

Bị đơn bà Đào Thị Kiều N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản gửi đến Tòa án nên không có ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Văn K trình bày:

Anh hoàn toàn không biết việc vay tiền của chị Ngô Thị Kiều T4 nên anh không đồng ý liên đới cùng chị T4 trả nợ cho chị T1.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 213/2024/DSST ngày 02/10/2024 của Tòa án nhân dân Hện T đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu K kiện của chị Nguyễn Thanh T1. Buộc chị Ngô Thị Kiều T4 phải có trách nhiệm trả cho chị T1 số tiền 9.961.755.720 (Chín tỷ, chín trăm sáu mươi một triệu, bảy trăm năm mươi lăm nghìn, bảy trăm hai mươi) đồng.

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Bác một phần yêu cầu K kiện của chị Nguyễn Thanh T1 đối với số tiền 1.443.018.738 (Một tỷ, bốn trăm bốn mươi ba triệu, không trăm mười tám nghìn, bảy trăm ba mươi tám) đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thanh T1 về việc buộc anh Huỳnh Văn K, bà Đào Thị Kiều N có trách nhiệm liên đới với chị Ngô Thị Kiều T4 để trả tiền cho chị T1.

4. Đình chỉ một phần yêu cầu K kiện của chị T1 đối với số tiền 3.865.771.280 (Ba tỷ, tám trăm sáu mươi lăm triệu, bảy trăm bảy mươi một nghìn, hai trăm tám mươi) đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/10/2024, bị đơn chị Ngô Thị Kiều T4 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn chị Ngô Thị Kiều T4 là ông Nguyễn Văn Phong thay đổi nội dung kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét huỷ bản án sơ thẩm với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn; không triệu tập ông Phạm Văn Đồng, ông Phạm Văn Tâm, bà Nguyễn Hồng Đào tham gia tố tụng là thiếu sót.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T1 là ông

Trần Nhật Long H không đồng ý với nội dung đơn kháng cáo của chị T4; yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu:

Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật. Riêng bà N và anh K chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét kháng cáo của bị đơn chị Ngô Thị Kiều T4; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Ngô Thị Kiều T4 kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Anh Huỳnh Văn K, bà Đào Thị Kiều N đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh K, bà N.

Nguyên đơn chỉ K kiện bị đơn và cho rằng chồng của nguyên đơn không liên quan đến số tiền tranh chấp. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập ông Đồng tham gia tố tụng là phù hợp. Ngoài những người Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập, việc giải quyết vụ án cũng không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người thứ ba khác như bà Đ, ông T5 nên Tòa án xét thấy không cần thiết phải triệu tập họ tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị Nguyễn Thanh T1 K kiện yêu cầu chị Ngô Thị Kiều T4 và anh Huỳnh Văn K, bà Đào Thị Kiều N có nghĩa vụ liên đới trả cho chị T1 số tiền 11.554.774.458 đồng. Chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là Giấy mượn tiền ngày 10/12/2022 và Hợp đồng vay tiền ngày 13/12/2022 có chữ ký của chị Ngô Thị Kiều T4. Chị Kiều T4 thừa nhận có ký tên vào Giấy mượn tiền ngày 10/12/2022 và Hợp đồng vay tiền ngày 13/12/2022. Tuy nhiên, chị T4 cho rằng chị T1 kêu chị Kiều T4 lấy mẫu giấy viết tay chỉ ghi họ và tên; ngày tháng năm sinh; số căn cước công dân, địa chỉ, ngày mượn tiền, sau cùng là ký tên, ghi họ tên, còn phần số tiền và các nội dung khác là chị T1 về nhà tự viết vô sau. Vì tin tưởng chị T1 là giáo viên và cũng chỗ quen biết nên chị Kiều T4 đồng ý và không đọc hết nội dung trong giấy và chị Kiều T4 đã ký tên. Thực tế chị T4 chỉ có nợ chị T1 350.000.000 đồng chứ không phải 9 tỷ đồng như trong Giấy mượn tiền ngày 10/12/2022 và 3.500.000.000 đồng như trong Hợp đồng vay tiền ngày 13/12/2022 mà chị đã ký tên. Chị T4 cho rằng chị T1 đã cố tình gài chị Kiều T4 để ký vào giấy mượn tiền như đã nêu trên nhưng chị T4 không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên lời trình bày của chị T4 là không có cơ sở để xem xét.

Đối với Hợp đồng vay tiền ngày 13/12/2022 ghi thời hạn vay 1 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, bị đơn cho rằng nguyên đơn chưa giao tiền nhưng suốt từ thời gian công chứng đến khi nguyên đơn K kiện, bị đơn không có ý kiến phản đối nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

Căn cứ vào Giấy mượn tiền ngày 10/12/2022 và Hợp đồng vay tiền ngày 13/12/2022 có chữ ký của chị Ngô Thị Kiều T4 có cơ sở xác định: giữa chị Nguyễn Thanh T1 và chị Ngô Thị Kiều T4 có xác lập và thực hiện hợp đồng vay tài sản với tổng số tiền là 12.500.000.000 đồng, đây là hợp đồng vay không có thoả thuận cụ thể lãi suất. Hợp đồng vay giữa các bên được giao kết trên cơ sở tự nguyện, các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên đây được xem là hợp đồng hợp pháp có hiệu lực pháp luật ràng buộc quyền và nghĩa vụ của các bên. Xét thấy việc chị Ngô Thị Kiều T4 chậm thanh toán nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Thanh T1 nên Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu K kiện của chị Nguyễn Thanh T1 là phù hợp. Chị T1 thừa nhận chị Kiều T4 đã trả được 3.865.771.280 đồng nên khoản vay 09 tỷ đồng chị T4 còn nợ lại chị T1 là 5.134.228.720 đồng.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi của chị Nguyễn Thanh T1: trong Giấy mượn tiền ngày 10/12/2022 các bên không có thoả thuận mức lãi suất cụ thể cũng như thời hạn trả nợ gốc nên Toà án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận tính lãi từ ngày thụ lý vụ án (21/3/2023) đến ngày xét xử sơ thẩm (27/9/2024) với mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp. Còn trong Hợp đồng vay tiền ngày 13/12/2022 các bên có thoả thuận thời hạn trả nợ nhưng không xác định mức lãi suất cụ thể nên Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận tính lãi theo yêu cầu của nguyên đơn là từ ngày 27/02/2023 đến ngày 27/9/2024 với mức lãi suất là 0,83%/tháng là phù hợp.

Như vậy, chị Ngô Thị Kiều T4 phải trả cho chị T1 số tiền cụ thể như sau:

- Số tiền nợ gốc 5.134.228.720 đồng và lãi của khoản nợ gốc này (từ ngày 21/3/2023 đến ngày 27/9/2024 là 18 tháng 06 ngày, mức lãi suất 0,83%/tháng) với số tiền 775.577.000 đồng (tính tròn).

- Số tiền nợ gốc 3.500.000.000 đồng và lãi của khoản nợ gốc này (từ ngày 27/02/2023 đến ngày 27/9/2024 là 19 tháng, mức lãi suất 0,83%/tháng) với số tiền 551.950.000 đồng.

Tổng cộng là 9.961.755.720 đồng (Chín tỷ, chín trăm sáu mươi một triệu, bảy trăm năm mươi lăm nghìn, bảy trăm hai mươi đồng). Trong đó nợ gốc là 8.634.228.720 đồng

[3] Đối với nội dung trách nhiệm liên đới và số tiền 3.865.771.280 đồng mà Toà án cấp sơ thẩm đã đình chỉ, nguyên đơn không kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích trên, thấy rằng Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu K kiện của chị T1, buộc chị T4 phải trả cho chị T1 số tiền gốc và lãi tổng cộng 9.961.755.720 đồng; không chấp nhận một phần yêu cầu K kiện của chị T1 với số tiền 1.443.018.738; đình chỉ một phần yêu cầu K kiện của chị T1 đối với số tiền 3.865.771.280 đồng là phù hợp. Chị T4 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới có giá trị chứng minh nên không có căn cứ để chấp nhận nội dung yêu cầu kháng cáo của chị T4, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn chị Ngô Thị Kiều T4 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Ngô Thị Kiều T4. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 213/2024/DS-ST ngày 02/10/2024 của Tòa án nhân dân Huyện T, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 469, 470 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu K kiện của chị Nguyễn Thanh T1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc chị Ngô Thị Kiều T4 phải có trách nhiệm trả cho chị T1 số tiền 9.961.755.720 đồng (Chín tỷ, chín trăm sáu mươi một triệu, bảy trăm năm mươi lăm nghìn, bảy trăm hai mươi đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu K kiện của chị Nguyễn Thanh T1 với số tiền 1.443.018.738 đồng (Một tỷ, bốn trăm bốn mươi ba triệu, không trăm mười tám nghìn, bảy trăm ba mươi tám đồng).

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu K kiện của chị Nguyễn Thanh T1 về việc yêu cầu anh Huỳnh Văn K, bà Đào Thị Kiều N có trách nhiệm liên đới với chị Ngô Thị Kiều T4 để trả tiền cho chị Nguyễn Thanh T1.

4. Đình chỉ một phần yêu cầu K kiện của chị Nguyễn Thanh T1 với số tiền 3.865.771.280 đồng (Ba tỷ, tám trăm sáu mươi lăm triệu, bảy trăm bảy mươi một nghìn, hai trăm tám mươi đồng).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Ngô Thị Kiều T4 có nghĩa vụ nộp 117.961.755 đồng (Một trăm mười bảy triệu, chín trăm sáu mươi một nghìn, bảy trăm năm mươi lăm đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện T, tỉnh Bến Tre.

Buộc chị Nguyễn Thanh T1 có nghĩa vụ nộp 55.290.562 đồng (Năm mươi lăm triệu, hai trăm chín mươi nghìn, năm trăm sáu mươi hai đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 60.562.000 (Sáu mươi triệu, năm trăm

sáu mươi hai nghìn) đồng theo biên lai thu số 0001939 ngày 21 tháng 3 năm 2023. Chi cục Thi hành án dân sự Hện T hoàn trả lại cho chị T1 số tiền 5.271.438 đồng (Năm triệu, hai trăm bảy mươi một nghìn, bốn trăm ba mươi tám đồng).

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: chị Ngô Thị Kiều T4 phải chịu án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0003618 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Hện T, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND Hện T;
- Chi cục THADS Hện T;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THAHS tỉnh Bến Tre;
- Chánh án TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Hồng